Đ□□ng bay qu□c t□

Tuy□n

T□n su□t

Hãng hàng không

Kho□ng cách

Th□i gian bay

D□m

Km

T□ Hà N□i t□i:

Băng C□c

2 chuy□n/ ngày

Thai Airways

602

969

1h50'

Hàng ngày

Vietnam Airlines

1.458

2.346

1h50'

B□c Kinh

2 chuy□n/ ngày

Thai Airways

1h50'

2 chuy□n/ tu□n
(th□ 3, th□ 6 và Ch□ Nh□t)

Vietnam Airlines

3h25'

Busan

4 chuy□n/ ngày
(th□ 2, th□ 3, th□ 6 và Ch□ Nh□t)

Vietnam Airlines

6h00'

Đài B□c

Hàng ngày

Vietnam Airlines

1.032

1.661

3h40'

Frankfurt

3 chuy□n/ tu□n
(th□ 2, th□ 5 và th□ 7)

Vietnam Airlines

12h55'

Luông Phrabăng

4 chuy□n/ tu□n
(th□ 3, th□ 5, th□ 7 và Ch□ Nh□t)

Vietnam Airlines

00h55'

Qu□ng Châu

Hàng ngày

China Southern Airlines

2 h25'

12 chuy□n/ tu□n

Vietnam Airlines

495

797

2h25'

H□ng Kông

13 chuy□n/ tu□n
(tr□ ngày th□ 3)

Hongkong Airlines

Hàng ngày

Vietnam Airlines

1h55'

Côn Minh

4 chuy□n/ tu□n
(th□ 2, th□ 3, th□ 5 và th□ 7)

Vietnam Airlines

1.295

2.084

2h25'

Matxc□va

2 chuy□n/ tu□n
(th□ 3 và th□ 7)

Vietnam Airlines

4.193

6.748

6h40'

Osaka

Hàng ngày

Vietnam Airlines

302

485

6h35'

Paris

3 chuy□n/ tu□n
(th□ 2, th□ 4 và th□ 6)

Vietnam Airlines

5.713

9.195

6 h20';

Seoul

2 chuy□n/ ngày

Vietnam Airlines

1.696

2.730

5 h05

Siêm Ri□p

11 chuy□n/ tu□n

Vietnam Airlines

1h55'

Singapore

Hàng ngày

Singapore Airlines

4 h25'

5 chuy□n/ tu□n
(th□ 2, th□ 3, th□ 6, th□ 7 và Ch□ Nh□t)

Vietnam Airlines

1.366

2.198

4h20'

Tokyo

3 chuy□n/ tu□n
(th□ 3, th□ 5 và th□ 7)

Vietnam Airlines

2.310

3.717

7h25'

Viên Chăn

12 chuy□n/ tu□n

Vietnam Airlines

302

485

1h05'

T□ Tp. H□ Chí Minh t□i:

Băng C□c

Hàng ngày

Vietnam Airlines

461

742

1h30'

Busan

5 chuy□n/ tu□n
(th□ 2, th□ 3, th□ 4, th□ 5, th□ 7)

Vietnam Airlines

5h40'

Frankfurt

2 chuy□n/ tu□n
(th□ 4 và th□ 6)

Vietnam Airlines

13h20'

Fukuoka

3 chuy□n/ tu□n
(th□ 2, th□ 4, th□ 6)

Vietnam Airlines

4h45'

H□ng Kông

21 chuy□n/ tu□n

Vietnam Airlines

938

1.509

2h40'; 2h45'

Kuala Lumpur

Hàng ngày

Vietnam Airlines

2h50'

2 chuy□n/ ngày

Malaysia Airlines

1h50'

Manila

5 chuy□n/ tu□n
(th□ 2, th□ 3, th□ 5, th□ 7)

Vietnam Airlines

2h40'

Melbourne

3 chuy□n/ tu□n
(th□ 3, th□ 5 và th□ 7)

Vietnam Airlines

8h10'

Matxc□va

2 chuy□n/ tu□n
(th□ 3, th□ 2) Vietnam Airlines 11h05'

Nagoya

1 chuy□n/ tu□n
(th□ 3)

Vietnam Airlines

5h30'

Osaka

6 chuy□n/ tu□n
(th□ 2, 3, 4, 5, 7 và Ch□ Nh□t)

Vietnam Airlines

5h10'

Paris

4 chuy□n/ tu□n

(th□ 3, th□ 5, th□ 6 và Ch□ Nh□t)

Vietnam Airlines

13h40'

Phnôm Pênh

3 chuy□n/ ngày

Vietnam Airlines

0h50'; 0h40'

Qu□ng Châu

2 chuy□n/ ngày

China Southern Airlines

3 h30'

Seoul

2 chuy□n/ ngày

Vietnam Airlines

5h00'

Siêm Ri□p

3 chuy□n/ tu□n

Vietnam Airlines

1h00'; 1h20'

Singapore

17 chuy□n/ tu□n

Singapore Airlines

2h55';

2 chuy□n/ ngày

Vietnam Airlines

1h50';

Sydney

3 chuy□n/ tu□n

(th□ 2, th□ 4 và Ch□ Nh□t)

Vietnam Airlines

7h25'

Đài B□c

5 chuy□n trên tu□n

(th□ 2, th□ 3, th□ 4, th□ 5 và Ch□ Nh□t)

Vietnam Airlines

3h15'

Tokyo

12 chuy□n/ tu□n

Vietnam Airlines

5h45'